

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 31/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Hồng N - Sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Tổ 18, Ấp H, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Công B - Sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2022.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng N và anh Đỗ Công B.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về con chung*: Chị Trần Thị Hồng N và anh Đỗ Công B có 02 con chung. Chị N và anh B thống nhất thỏa thuận: Anh Đỗ Công B là người trực tiếp nuôi dưỡng

cháu Đỗ Công D, sinh ngày 16/4/2016 và cháu Đỗ Công Đ, sinh ngày 15/10/2017. Chị N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đồng/1 cháu/1 tháng. Đối với hai cháu là 2.000.000đồng/1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 03/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

*Về tài sản và công nợ chung:* Chị Trần Thị Hồng N và anh Đỗ Công B thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí:* Chị Trần Thị Hồng N và anh Đỗ Công B thống nhất thỏa thuận chị N chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và chị N phải chịu án phí cấp dưỡng là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Thu đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, theo biên lai thu số AA/2021/0003380 ngày 15/02/2022. Chấp nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7<sup>a</sup> và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Đương sự;
- UBND xã I, huyện Chư pRông, Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Hữu Thắng**